Ký bởi: Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch
Cơ quan: Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch

# DANH SÁCH
# KẾT QUẢ THI VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NĂM 2024

*(Kèm theo Thông báo số 3066/TB-HĐTDCC ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng tuyển dụng công chức Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2024)*

## LĨNH VỰC PHÁP CHẾ

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên thí sinh | | Ngày tháng năm sinh | | Quê quán | Đối tượng ưu tiên | Vị trí đăng ký tuyển dụng | Đơn vị tuyển dụng | Lĩnh vực thi chuyên môn nghiệp vụ (Vòng 2) | Kết quả điểm thi vòng 2 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Họ và đệm | Tên | Nam | Nữ | | | | | | Nghiệp vụ chuyên ngành | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| **I** | **Chuyên viên pháp chế (02 chỉ tiêu)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | **034** | Phan Thị Thanh | **An** | | 15/5/2002 | Thái Bình | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 35,5 | | **35,5** |
| 2 | **035** | Hoàng Thị Lan | **Anh** | | 25/6/1996 | Cao Bằng | Dân tộc Tày | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 47 | 5 | **52** |
| 3 | **036** | Nguyễn Lê Tú | **Anh** | | 01/6/2000 | Hà Tĩnh | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 38,5 | | **38,5** |
| 4 | **037** | Cao Vân | **Anh** | | 10/10/2000 | Nam Định | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 13 | | **13** |
| 5 | **038** | Trần Thị Thủy | **Anh** | | 01/6/2000 | Thái Nguyên | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | Bỏ thi | | |
| 6 | **039** | Vũ Minh | **Châu** | | 25/8/1997 | Hà Nam | | Chuyên viên pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 38 | | **38** |
| 7 | **040** | Nguyễn Thanh | **Hà** | | 26/8/2001 | Hà Nội | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 51 | | **51** |
| 8 | **041** | Trần Đức | **Hiếu** | 30/6/1997 | | Thái Bình | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | Bỏ thi | | |
| 9 | **042** | Hoàng Hải | **Lâm** | 09/8/2001 | | Quảng Ninh | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 44,5 | | **44,5** |
| 10 | **043** | Hoàng Đỗ Khánh | **Linh** | | 10/6/1994 | Bắc Ninh | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 66,5 | | **66,5** |
| 11 | **044** | Trần Thanh | **Ngân** | | 02/6/2000 | Nam Định | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 50 | | **50** |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên thí sinh | | Ngày tháng năm sinh | | Quê quán | Đối tượng ưu tiên | Vị trí đăng ký tuyển dụng | Đơn vị tuyển dụng | Lĩnh vực thi chuyên môn nghiệp vụ (Vòng 2) | Kết quả điểm thi vòng 2 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Họ và đệm | Tên | Nam | Nữ | | | | | | Nghiệp vụ chuyên ngành | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| 12 | **045** | Nguyễn Thị | **Ngần** | | 15/5/2001 | Hà Nam | | Chuyên viên pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 51 | | **51** |
| 13 | **046** | Nguyễn Thị Thu | **Phương** | | 20/3/1984 | Vĩnh Phúc | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 42,5 | | **42,5** |
| 14 | **047** | Vũ Hoàng Phương | **Thảo** | | 26/01/2001 | Hải Phòng | | Chuyên viên pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 60,5 | | **60,5** |
| 15 | **048** | Nguyễn Lệ | **Thủy** | | 20/8/1991 | Hà Nội | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 57 | | **57** |
| 16 | **049** | Ngô Thanh | **Thủy** | | 03/8/1996 | Hà Nội | | Chuyên viên pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 40,5 | | **40,5** |
| 17 | **050** | Mai Thị | **Trà** | | 20/12/2000 | Nghệ An | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 55 | | **55** |
| 18 | **051** | Tạ Ngọc Mai | **Trang** | | 12/3/2000 | Hà Nội | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 52 | | **52** |
| 19 | **052** | Nguyễn Minh | **Trang** | | 25/11/1998 | Hòa Bình | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | 47 | | **47** |
| 20 | **053** | Trần Thị | **Tuyết** | | 18/02/1999 | Thanh Hóa | | Chuyên viên Pháp chế | Vụ Pháp chế | Lĩnh vực pháp chế | Bỏ thi | | |
| **II** | **Chuyên viên thực hiện công tác pháp chế, Văn phòng Cục (01 chỉ tiêu)** | | | | | | | | | | | | |
| 21 | **054** | Nguyễn Thị Thùy | **Linh** | | 05/10/2000 | Thái Bình | | Chuyên viên thực hiện công tác pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Nghệ thuật biểu diễn | Lĩnh vực pháp chế | 62 | | **62** |
| 22 | **055** | Hoàng Anh | **Tuấn** | 30/3/2001 | | Hải Dương | | Chuyên viên thực hiện công tác pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Nghệ thuật biểu diễn | Lĩnh vực pháp chế | 61 | | **61** |
| **III** | **Chuyên viên thực hiện tham mưu công tác pháp chế, Văn phòng Cục (02 chỉ tiêu)** | | | | | | | | | | | | |
| 23 | **056** | Nguyễn Hiền | **Anh** | | 26/11/1995 | Hà Nội | | Chuyên viên thực hiện tham mưu công tác pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Thể dục thể thao | Lĩnh vực pháp chế | 55 | | **55** |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên thí sinh | | Ngày tháng năm sinh | | Quê quán | Đối tượng ưu tiên | Vị trí đăng ký tuyển dụng | Đơn vị tuyển dụng | Lĩnh vực thi chuyên môn nghiệp vụ (Vòng 2) | Kết quả điểm thi vòng 2 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Họ và đệm | Tên | Nam | Nữ | | | | | | Nghiệp vụ chuyên ngành | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 24 | **057** | Ngô Thị Hải | **Chiến** | | 01/11/1990 | Bắc Giang | Con đẻ người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc da cam | Chuyên viên thực hiện tham mưu công tác pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Thể dục thể thao | Lĩnh vực pháp chế | 57 | 5 | **62** |
| 25 | **058** | Trần Thị Thùy | **Duyên** | | 02/01/2000 | Thái Bình | | Chuyên viên thực hiện tham mưu công tác pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Thể dục thể thao | Lĩnh vực pháp chế | 54 | | **54** |
| 26 | **059** | Nông Triệu Nhật | **Hạ** | | 29/10/1998 | Cao Bằng | Dân tộc Tày | Chuyên viên thực hiện tham mưu công tác pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Thể dục thể thao | Lĩnh vực pháp chế | 54 (trừ 25% bài thi do vi phạm còn 40,5 điểm) | 5 | **45,5** |
| 27 | **060** | Phạm Thị Ngọc | **Hoa** | | 17/6/1994 | Thanh Hóa | | Chuyên viên thực hiện tham mưu công tác pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Thể dục thể thao | Lĩnh vực pháp chế | 46 | | **46** |
| 28 | **061** | Bùi Nhật | **Minh** | 04/10/1999 | | Bắc Ninh | | Chuyên viên thực hiện tham mưu công tác pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Thể dục thể thao | Lĩnh vực pháp chế | Bỏ thi | | |
| 29 | **062** | Nguyễn Trọng | **Nam** | 15/8/1997 | | Bắc Giang | | Chuyên viên thực hiện tham mưu công tác pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Thể dục thể thao | Lĩnh vực pháp chế | 52 | | **52** |
| 30 | **063** | Vương Bích | **Ngọc** | | 19/01/2000 | Quảng Ninh | | Chuyên viên thực hiện tham mưu công tác pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Thể dục thể thao | Lĩnh vực pháp chế | 44 | | **44** |
| 31 | **064** | Hà Ngọc | **Thắng** | 09/3/2000 | | Tuyên Quang | | Chuyên viên thực hiện tham mưu công tác pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Thể dục thể thao | Lĩnh vực pháp chế | 69 | | **69** |
| 32 | **065** | Đào Quyết | **Thắng** | 21/01/1997 | | Hà Nội | | Chuyên viên thực hiện tham mưu công tác pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Thể dục thể thao | Lĩnh vực pháp chế | 38 | | **38** |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên thí sinh | | Ngày tháng năm sinh | | Quê quán | Đối tượng ưu tiên | Vị trí đăng ký tuyển dụng | Đơn vị tuyển dụng | Lĩnh vực thi chuyên môn nghiệp vụ (Vòng 2) | Kết quả điểm thi vòng 2 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Họ và đệm | Tên | Nam | Nữ | | | | | | Nghiệp vụ chuyên ngành | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| **IV** | **Chuyên viên pháp chế, Văn phòng Cục (01 chỉ tiêu)** | | | | | | | | | | | | |
| 33 | **066** | Nguyễn Thị Thu | **Hiền** | | 02/8/2001 | Nam Định | | Chuyên viên pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam | Lĩnh vực pháp chế | 40,5 | | **40,5** |
| 34 | **067** | Phan Thùy | **Linh** | | 26/10/2001 | Ninh Bình | | Chuyên viên pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam | Lĩnh vực pháp chế | 53,5 | | **53,5** |
| 35 | **068** | Nguyễn Thị Thu | **Trang** | | 17/8/1995 | Thanh Hóa | | Chuyên viên pháp chế, Văn phòng Cục | Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam | Lĩnh vực pháp chế | 59,5 | | **59,5** |